

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 145 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG
CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DÀU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Tây Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 10426HĐ
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy - Xã Cam Lâm
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy
tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 09/02/2026
- Ngày nhận mẫu: 09/02/2026
- Thời gian kiểm nghiệm: 09/02/2026 đến 30/3/2026
- Ngày hẹn trả kết quả: 01/4/2026
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép (***)
1	Định lượng Coliforms tổng số(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) (*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi (*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	6,92	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) (*)	TCVN 12402-1:2020	0,26	2
7	Clo dư tự do (mg/L) (*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,8	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	10,7	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	10	300
12	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,002	0,1
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,6	11
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,003	0,9
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,004	0,3
16	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
17	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) (**)	TCVN 6626:2000	KPH MDL= 0,0004	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch

(QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)